

Ốc Đảo Bị Bỏ Quên

Nhật Hồng Nguyễn Thanh Vân

(TỨC TRẬN CHIẾN ĐỂ ĐÒI CỦA TIỂU ĐOÀN 88 BIỆT ĐỘNG QUÂN BIÊN PHÒNG DAKPEK, KONTUM TRONG 57 NGÀY ĐÊM)

Với tựa đề Ốc Đảo Bị Bỏ Quên có vẻ hấp dẫn này, nếu không có những dòng nói về “Trận Chiến Để Đòi” theo sau, hẳn quý vị và các bạn có thể hiểu lầm đây là một mẫu chuyện thuộc loại hương xa, hoặc tiểu thuyết trinh thám, hay là chuyện hoang đường có màu sắc ly kỳ nào đó, mà bên trong chứa đầy trân châu, mã não, kim cương... và còn có cả một bầy tiên nữ khỏa thân, lộ lộ những “tòa thiên nhiên”, đang tắm bên bờ suối mộng, làm ngất ngây những kẻ được điểm phúc thưởng ngoạn đó chăng ?

Thưa không ! Đây là lời tuyên truyền rêu rao của Việt cộng đối với Dakpek, một Căn Cứ được gọi là Tiền Đồn Biên Phòng, cách tỉnh lỵ đèo heo hút gió Kontum đến trên 80 cây số đường chim bay, lại chéch về hướng Tây Bắc trong một vùng rừng núi âm u, quanh năm sương mù bao phủ hơn là nắng ấm hiện về.

Những địa danh không thể quên được trong tâm khảm người chiến sĩ Cộng Hòa, nhất là những người lính từng tham chiến tại Vùng II Chiến Thuật như : Dakô, Tân Cảnh, Daksut, Benhet, Dakseang... mà Quốc Lộ 14, là con đường độc đạo hoang phế chạy ngang qua đó, thì Dakpek là một Căn Cứ xa hơn hết, với phía Bắc giáp ranh dãy núi rừng rộng lớn của Quận Ba Tơ, trong Vùng I Chiến Thuật.

Phía Tây giáp biên giới Hạ Lào, và cách đường mòn Hồ Chí Minh khoảng 9 cây số. Còn phía Đông là những dãy núi cao chón chở trên dưới 1.000 mét, chạy dài hàng trăm cây số mới đến được tỉnh lỵ Quảng Ngãi. Phía Nam cách xa khoảng 28 km là Căn Cứ Biên Phòng Dakseang.

Tổng Quát

Dakpek được dịch âm là “Đức Phong”, một địa danh của đồng bào Thượng ở vùng rừng núi Kontum, gồm đủ các sắc dân như : người Jhé, Cô-Hô, Ja-Rai, Mơ-Nông, Sê-Đăng, Bah-Nar, vv... quần tụ lại và sinh sống trên những triền núi bao quanh một lòng chảo, khoảng gần hai cây số đường bán kính.

Chảy vòng quanh qua đó, là con sông Dakpôkô êm đềm thơ mộng trong mùa nắng, nhưng cũng sẽ gào thét âm ì đầy hãi sợ trong mùa Mưa, vì mực nước dâng cao như thác lũ, đổ về Kontum và xuôi ra biển. Khi đi ngang qua vùng rừng núi Phú Bổn nó được đổi tên là Sông Ba, và khi đến vùng thị xã Tuy Hòa thuộc Tỉnh Phú Yên, lại được đổi tên thêm một lần nữa, đó là sông Đà Rằng.

Với hơn 3.000 cư dân người sắc tộc, chia thành 11 làng sống chung quanh thung lũng Dakpek như vậy, nên Tỉnh Kontum đã đặt một Chi Khu tại đây lấy tên là Chi Khu Dakpek – cũng gồm đủ ban bộ : Công An, Cảnh Sát, Nghĩa Quân, vv... nhưng người “Kinh” trong Bộ Chỉ Huy Chi Khu cũng chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Họ sống trên một ngọn đồi phòng thủ khá vững vàng, chỉ chờ mỗi tháng hai lần trực thăng tiếp tế thực phẩm tươi đến, và hàng tháng lãnh lương mà thôi. Chứ công việc hành chánh giấy tờ ít khi được dùng tới, vì 11 làng Thượng của Chi Khu, cách nhau mỗi làng là từng dãy núi đồi cao thấp. Từ làng này muốn đến làng kia cũng phải leo núi... mệt thở, cho nên sự liên lạc giữa dân làng với giới hữu trách tại đây, cũng thỉnh thoảng mới xảy ra.

Hơn nữa, người dân Thượng cũng ít khi cần đến những thứ giấy tờ linh kinh, như khai sanh, giá thú, chứng chỉ học bạ, học trình... thành ra Bộ Chỉ Huy Chi Khu dựng lên cũng để... làm vì. Nhưng nếu chỉ bằng ngàn ấy lực lượng bán quân sự, để bảo vệ Chi Khu và 11 làng Thượng kia, thì hẳn nhiên là không kham nổi. Lại nữa, bọn Cộng Sản Bắc Việt đang mỗi ngày một gia tăng quân số để đánh phá Miền Nam, và trên đường xuôi xuống vùng đồng ruộng trù phú... của Miền Tây nước ta giáp với Cao Miên, họ phải đi ngang cứ điềm này. Thế nên Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ, đã phối hợp với Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam Cộng Hòa, thành lập một Trại Dân Sự Chiến Đấu (CIDG) ngay ở bên cạnh Chi Khu, cũng lấy tên là Trại Dakpek, hay là Căn Cứ Biên Phòng Dakpek có nhiệm vụ bảo vệ Chi Khu, đồng thời thu thập tin tức xâm nhập, của Cộng Sản Bắc Việt trên đường mòn Hồ Chí Minh.

Hay nói một cách khác, thì có nhiều sắc dân Thượng vì chiến tranh loạn lạc, họ đã dắt díu nhau từng buôn làng, vào ẩn náu rải rác trong rừng sâu của vùng Hạ Lào. Nếu không tìm cách tập trung lại, để ổn định đời sống của họ, chắc chắn Việt Cộng sẽ tìm cách tuyên truyền, mua chuộc họ chống đối lại phe ta, thì càng nguy hại nhiều hơn. Cho nên Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, và Việt Nam mới thành lập Căn Cứ Dakpek này, để hoàn thành những sứ mạng nêu trên. Vấn đề tiếp tế lương thực, vật liệu xây cất, vv... nhất nhất đều do Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ lo liệu, rất dồi dào từ năm 1962 tới giờ.

Nhiều sắc dân Thượng cũng vì đó, mà tập trung về sinh sống mỗi ngày một đông, nên Chi Khu mới được thành lập để lo về việc hành chánh cho họ.

Về sau này, khoảng năm 1969, 1970, vấn đề Việt Nam Hóa Chiến Tranh đã khiến cho việc vận chuyển, tiếp tế lương thực trở nên khó khăn. Phần thì đường bộ không có, phần thì Quân Đội Mỹ phải rút về nước, phương tiện phi cơ bị hạn chế tối đa, vấn đề ổn định đời sống của hơn 3.000 dân Thượng ở đây thật quá nhiều khê.

Các cơ quan hữu trách của Việt Nam đưa ra giải pháp, là di dời tất cả 11 làng Thượng này, về sinh sống gần tỉnh lỵ Kontum để dễ dàng yểm trợ họ.

Giải pháp khá hợp lý, nhưng mắc phải trở ngại cũng khá to lớn. Đó là phải dùng phương tiện hàng không, chuyên chở toàn bộ 11 làng Thượng, từ người cho đến trâu bò, cùng vật dụng linh tinh cho mỗi gia đình người dân, rất là tốn kém và khó khăn không ít. Lại còn sợ theo thói quen của người Thượng, là họ thích sống trong vùng rừng núi, chứ không thích sống gần nơi thành thị. Cho nên sau một thời gian di dời. Có thể là họ lại dắt díu từng gia đình, trở về chốn cũ làng xưa sinh sống, thì càng nguy hại không nhỏ cho chính quyền sở tại.

Bằng lập luận như thế, ông John Paul Vann, vị dân sự với chức vụ Cố Vấn Trưởng cho Quân Đoàn II và Quân Khu 2, tức Vùng II Chiến Thuật ở Pleiku, đã thẳng thừng bác bỏ chuyện di dời. Thế là giải pháp không thành, bởi vì bao nhiêu phương tiện chuyên chở đều nằm trong tay của vị Cố Vấn Mỹ này.

Nếu Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa tự giải quyết, thì sự tốn kém quá nhiều, không có lợi trong tình hình chiến tranh như hiện tại.

Cuối cùng thì vấn đề Dakpek vẫn không thay đổi, nhưng sự tiếp vận tiếp liệu và tiếp tế lương thực, mỗi ngày một yếu dần đi...

Đến đây, xin được phép mở một dấu ngoặc, nói qua đôi chút về nhân vật John Paul Vann, và trại Dân Sự Chiến Đấu của Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, cùng Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam thành lập. Dân Sự Chiến Đấu theo tiếng Mỹ gọi là CIDG, là chữ viết tắt của “Civilian Irregular Defense Group”.

Người Mỹ quan niệm rằng có hai lý do để thành lập các toán Dân Sự Chiến Đấu này:

- Một là Việt Cộng lợi dụng các sắc tộc Thượng, thường hay sống rải rác trong rừng sâu, để tuyên truyền móc nối họ chống lại chính quyền Việt Nam Cộng Hòa.
- Hai là vì các sắc dân Thượng này, không bị ảnh hưởng bởi luật “Tổng Động Viên” của Việt Nam Cộng Hòa.

Do đó Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ phối hợp với Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam, tìm cách quy tụ các thanh niên Thượng lại, thành lập từng Đại Đội Dân Sự Chiến Đấu không thống thuộc vào Quân Lực VNCH. Những Đại Đội này do người Mỹ huấn luyện riêng biệt và trả lương cho họ, đồng thời thiết lập những Căn Cứ Biên Phòng, tức là những Trại Dân Sự Chiến Đấu dọc theo biên giới Việt-Lào, Việt-Miên, để khám phá, phát giác, và chiến đấu... chống lại sự xâm nhập của Cộng Sản Bắc Việt vào quấy phá Miền Nam Việt Nam.

Còn nhân vật John Paul Vann, nguyên là Trung Tá Bộ Binh trong Quân Đội Mỹ, đã làm Cố Vấn Sư Đoàn 7 Bộ Binh VN ở Vùng IV Chiến Thuật năm 1962-1963, sau đó về Mỹ được giải ngũ. Ông trở lại Việt Nam năm 1966, làm Cố Vấn dân sự cho các Chương Trình Bình Định Phát Triển cũng tại Vùng IV Chiến Thuật. Đến tháng 8 năm 1970, Vann được đổi lên Vùng II Chiến Thuật, với nhiệm vụ Cố Vấn Trưởng cho Quân Đoàn II và Quân Khu 2.

Vann có dáng dấp khá thanh tao, phong nhã... của một chính trị gia hơn là một nhà quân sự. Ông đã ly thân với bà vợ Mỹ, và nghe đâu đang xây dựng hôn nhân, với một thiếu nữ VN ở vùng Cần Thơ.

Ông rất thông minh, gan dạ, hiếu thắng và thích làm anh hùng cá nhân, như thường hay lái phi cơ trực thăng loại “Cán Gáo” (OH58 ?) vào chiều tối, để đáp xuống các tiền đồn biên phòng hẻo lánh trong địa phận Vùng II Chiến Thuật, và ngủ qua đêm tại đó.

Trở lại Trại Dân Sự Chiến Đấu Dakpek, là do Toán A.242 Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam, cùng các Cố Vấn Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ thành lập vào cuối năm 1962.

Đến năm 1970, theo đà Việt Nam Hóa Chiến Tranh dưới thời Tổng Thống Nixon, Quân Đội Hoa Kỳ phải rút khỏi Miền Nam Việt Nam, và toàn bộ 37 Trại Dân Sự Chiến Đấu nằm dọc theo biên giới Việt-Miên- Lào, do các Toán A Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam chỉ huy, nay phải cải tuyền sang lực lượng quân sự của Việt Nam. Một ít trại chuyển sang Địa Phương Quân, còn đa số thì sáp nhập vào Binh Chung Biệt Động Quân, để thành lập từng Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Riêng Trại Dân Sự Chiến Đấu Dakpek, hay còn gọi là Căn Cứ Tiền Đồn Dakpek, được chính thức cải tuyền thành Tiểu Đoàn 88 Biệt Động Quân Biên Phòng Dakpek, vào ngày 30 tháng 11 năm 1970.

Nhiệm vụ của các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng, vẫn giống như nhiệm vụ của các Trại Dân Sự Chiến Đấu trước đây, nhưng từng Tiểu Đoàn Biên Phòng lại được bổ sung thêm sĩ quan, hạ sĩ quan, và binh sĩ Biệt Động Quân theo Bảng Cấp Số đề ra.

Tuy nhiên, mỗi Tiểu Đoàn BĐQ Biên Phòng, chỉ có một Đại Đội Chỉ Huy Công Vụ và 3 Đại Đội tác chiến mà thôi. (thay vì có 4 Đại Đội tác chiến như các Tiểu Đoàn BĐQ Tổng Trừ Bị).

1. Mô Tả Chi Tiết Về Tiểu Đoàn 88/BĐQ/BP

Quân số của Tiểu Đoàn chỉ thực hiện được khoảng 550 người, gồm 42 người Kinh, còn lại hoàn toàn là người Thượng. Doanh trại của Tiểu Đoàn, là do Trại Dân Sự Chiến Đấu để lại, phòng thủ trên 7 ngọn đồi liên tiếp nhau ở cao độ 700 mét, so với mặt nước biển. Có sân bay Caribou dài 700 mét nằm bên ngoài hàng rào, và bãi đáp trực thăng bên trong doanh trại. Có đầy đủ vũ khí do Mỹ để lại, với đạn dược rất dồi dào, và luôn có 90 ngày lương khô, và 90 ngày gạo dự trữ.

Hàng tháng hai lần được Chinook hoặc Caribou của Mỹ, tiếp tế thực phẩm tươi song song với Chi Khu Dakpek. Nhưng từ khi các Cố Vấn Mỹ rút đi, thì việc tiếp tế không còn đều đặn như trước nữa. Đó là khó khăn chung của một quân đội nhà nghèo, khi anh bạn đồng minh đang tìm cách bỏ của... chạy lấy người...

Về hỏa lực súng nặng, gồm một Trung Đội Pháo Binh Biên Phòng với 2 khẩu 105 ly. Ngoài ra còn có 1 khẩu 90 ly, 1 khẩu 75 ly, 2 khẩu 57 ly, 2 khẩu 4.2. Sáu khẩu Súng Cối 81 ly, 8 khẩu Súng Cối 60 ly và trên 40 khẩu Đại Liên cùng Trung Liên phòng thủ vững chắc.

Từ xa, cách Căn Cứ khoảng 5 km trở về cho đến sát hàng rào kẽm gai của trại, đều có đặt nhiều loại máy Sensor rải rác khắp nơi, để kịp thời phát giác kẻ địch đến gần. Về kế hoạch hành quân bảo vệ khu vực, theo lệnh cấp trên, phải thường xuyên có 2/3 quân số tuần tiễu, phục kích ở bên ngoài với bán kính 15 km.

Mục đích chính của việc tuần tiễu phục kích này, là theo dõi, phát giác sự di chuyển của địch quân trên đường mòn Hồ Chí Minh. Còn 1/3 quân số, thì phòng thủ ở bên trong.

Vào cuối năm 1971, Tiểu Đoàn 88/BĐQ/BP còn phải tuân hành theo khẩu lệnh, chỉ thị trực tiếp của Chuẩn Tướng Lam-Son - Tư Lệnh Phó Lãnh Thổ thuộc Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II và Quân Khu 2 - bằng cách chỉ huy và kiểm soát các đơn vị chiến đấu của Chi Khu Dakpek. Đồng thời còn cắt cử 6 Hạ Sĩ Quan người Kinh của đơn vị, đến chung sống với 6 ngôi làng Thượng ở cách xa Căn Cứ nhất.

Cứ nửa tháng họ phải trở về bản doanh một lần để nhận thực phẩm tiếp tế. Nhiệm vụ của họ là ngầm theo dõi những sinh hoạt hàng ngày của dân làng, cũng như cố vấn về phương cách phòng thủ buôn làng, và hướng dẫn các Nghĩa Quân người Thượng canh gác về đêm.

Sở dĩ phải kể tỉ mỉ về địa hình, địa vật, cách phối trí lực lượng, và tầm mức chiến thuật của Căn Cứ Dakpek nêu trên... là để quý độc giả tiện hình dung được một cách rõ ràng hơn, khi trận chiến xảy ra tại nơi đây với 57 ngày đêm tử thủ sống còn.

Thật vậy, tưởng cũng xin phép lật lại phần nào trang sử oai hùng của Quân và Dân tỉnh Kontum, dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa... Vì họ đã đánh tan ý đồ xâm lăng của bọn công cuồng khát máu Cộng nô, trong cái thời điểm mà cả nước đều biết : Đó là “MÙA HÈ ĐỎ LỬA 1972”, khi mà Quảng Trị – Kontum – An Lộc đều ngập chìm trong máu lửa đạn bay. Xác thù chồng chất đầy ngoài chiến lũy, vắt ngang chiến hào, và có lẽ từng đôi cây ngọn cỏ, cũng đều oán giận căm hờn thay cho lũ đầu sỏ Hà Nội !

Vì bọn chúng đã nở nhần tâm, xua hàng nửa triệu thanh thiếu niên Miền Bắc, vào Nam chịu chết một cách thương đau !

Chính thời điểm đó... Căn Cứ Dakpek do Tiểu Đoàn 88 Biệt Động Quân Biên Phòng trú đóng, cũng được phân tham dự, ngay khi cuộc chiến khốc liệt vừa mới mở màn !



Bản đồ vùng Dakpek và nơi cao độ 1270 là Tiền Đồn Quan Sát của Chi Khu Phi trường Caribou dài 700m. Đồi bên trái là ĐĐ1, đồi bên phải là Tiền Đồn ĐĐ1

2. Vị Trí Phòng Thủ Căn Cứ DakPek và Các Điểm Trọng Yếu

(1) – Ngọn đồi bố trí các hầm trú ẩn của Trung Đội 1/Đại Đội 3/Tiểu Đoàn 88 BĐQ

Biên Phòng Dakpek, còn gọi là Đồi Tiền Đồn của Đại Đội 3. Đồi này cao nhất trong 7 ngọn đồi phòng thủ của Tiểu Đoàn.

(2) – Ngọn đồi bố trí các hầm trú ẩn của Đại Đội 3/TĐ88BĐQ/BP.

(3) – Vùng vực sâu có Bãi Mìn cá nhân không thể vượt qua được.

(4) – Ngọn đồi bố trí các hầm của Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn, gồm Truyền Tin, Quân Y, Kho gạo, Lương khô, và máy phát điện dã chiến, do Trung Đội Trinh Sát phòng thủ.

(5) – Ngọn đồi bố trí các hầm trú ẩn của Đại Đội Chỉ Huy Công Vụ của Tiểu Đoàn.

- (6) – Bãi đáp Trực thăng trong vòng rào phòng thủ Căn Cứ của Tiểu Đoàn.
- (7) – Ngọn đồi bố trí các hầm trú ẩn của Đại Đội 1/TĐ88BDQ/BP.
- (8) – Công chính vào BCH/Tiểu Đoàn.
- (9) – Đầu phi đạo Caribou, nơi bắt sống Tổ Súng 57 ly Không Giật gồm 3 tên cán binh CSBV.
- (10) – Ngọn đồi bố trí các hầm trú ẩn của Trung Đội 1/Đại Đội 1/TĐ88BDQ/BP, còn gọi là Đồi Tiền Đồn của Đại Đội 1.
- (11) – (12)- Hai làng Thượng ở trước Công Chính của Tiểu Đoàn đều theo VC khi trận vây hãm xảy ra.
- (13) – (22) – Sông Dakpôkô chạy ngoằn ngoèo chung quanh vùng Dakpek.
- (14) – Hướng đi về các làng Longnan 1, 2, 3 cách xa Tiểu Đoàn khoảng 3 km trên đồi cao gần 900m.
- (15) – Bãi tập hợp của Tiểu Đoàn chung quanh đều có đồi cao bao phủ, và cũng là nơi chôn xác của SQ, HSQ và Binh sĩ của Tiểu Đoàn trong trận bị VC vây hãm 57 ngày đêm.
- (16) – Công hậu ra Phi Trường Caribou có phi đạo dài 700m.
- (17) – Kho Vũ khí và Đạn dược của Tiểu Đoàn.
- (18) – Ngọn đồi bố trí các hầm trú ẩn của Đại Đội 2 bao gồm kho vũ khí đạn dược.
- (19) – Ngọn đồi bố trí Trung Đội Pháo Binh 105 ly.
- (20) – Vùng vực sâu có Bãi Mìn Cá Nhân không thể vượt qua được.
- (21) – Điểm lấy nước duy nhất của Tiểu Đoàn.
- (23) – Bộ Chỉ Huy Chi Khu Dakpek và một số các làng Thượng nằm rải rác phía sau Chi Khu.
- (24) – Bãi tắm công cộng.



***CĂN CỨ TĐ88/BĐQ/BP/DAKPEK TỪ TRÊN CARIBOU NHÌN XUỐNG
Đại úy Tiểu Đoàn Trưởng và gia đình. (Hình do Chuẩn Úy Nguyễn-Văn-Vinh
chụp – 1971)***

3. Mùa Xuân Trên Đỉnh Non Cao

Trước khi tường thuật một cách khá trọn vẹn, trận tấn công mạnh mẽ, bởi 2 Tiểu Đoàn Đặc Công, cùng 6 Đại Đội Pháo của Cộng Sản Bắc Việt, tràn ngập một phần vào Căn Cứ Biên Phòng Dakpek; chúng tôi cũng xin được phép lược qua về hoàn cảnh sinh sống của các chiến sĩ trong Căn Cứ, cùng sự phát giác nội tuyến, ngay trong mùa Xuân của vùng núi cao rừng rậm này.

Từ đó chúng ta mới có thể cảm thông được phần nào, nỗi niềm tâm sự của những người lính “Trần Thủ Lưu Đòn”, và chiến thắng đáng được khích lệ của họ... Đó là mùa Xuân của năm Nhâm Tý (1972), trời đất có vẻ âm u lạnh lẽo hơn các năm về trước.

Buổi sáng ở đây đến 11 giờ trưa mới tan hết sương mù, nhưng “trần mây” vẫn còn thấp và tầm quan sát vẫn còn hạn chế, cho đến quá Ngọ mới được trong trẻo hơn. Rồi đến khoảng 4 giờ chiều, thì sương mù lại giăng phủ cho đến hôm sau. Cứ thế... kéo dài cái thời tiết lạnh lẽo đó trong nhiều tháng liền... làm cho tâm sự của người “lính thú” luôn sắt se nỗi nhớ, mang mệnh niềm thương. Nhất là vào nửa đêm “Trừ Tịch”, và các ngày kế tiếp, lòng người chiến sĩ thật là u hoài khôn tả.

Thêm vào đó, ở cái Tiên Đồn heo hút của vùng rừng núi cực Bắc Kontum này, khiến cho người ta liên tưởng đến những “đồn ải biên quan”, ở tận miền bắc xa xôi cô lẻ... của những người lính chiến thưở xa xưa...

Bản nhạc “Xuân Nay Con Không Về Nữa”, được một anh lính người Kinh hãy còn rất trẻ, đang ôm súng ngồi trên lô-cốt gác giặc, miệng hát nghêu ngao trong buổi sáng Mồng Một Tết giá buốt này, thật thấm thía vô cùng !

Một Sĩ quan đứng gần đó, đang phóng tầm mắt nhìn dãy núi mờ sương ở phía xa, dường như cảm hứng với lời hát của kẻ thuộc quyền, cũng cất tiếng ngâm khe khẽ:

*... Biên phòng heo hút thân đồn trú,
Ta sống cuộc đời lính thú xưa !
Tâm sự miên man hờn giấc ngủ,
Võ vàng thân xác lạnh hồn thơ...
Vào Xuân rừng núi mờ sương phủ,
Ái Bắc... buồn theo dãy chiến hào.
Nhớ thưở mài gươm cười chính khí,
Đặng trình ta nhập cuộc binh đao.
Ra đi không rượu, người đưa tiễn...
Và mắt giai nhân... đắm lệ sầu !
Chỉ có trăng nghe lời ước nguyện,
Dem chí bình sinh lấp bể dâu.
Rồi theo năm... tháng dài dong ruổi...
Biên trấn đồn xa mộng nát nhàu.
Nếp áo Tương Như giờ để lệch,
Hôn thơ chìm lặng bến Giang Châu !
Phiếm tơ chùng tiếng đàn Tư Mã,
Rượu chửa kẻ môi thấy nhạt màu !
Lâu bích áo xiêm nào rạn rỡ,
Cho ta thèm... áp mộng Hồng Lô !
Ý Xuân dù hiện niềm hoan lạc
Mà nẻo Cam Tuyền ta biết đâu ?
Vạn lý thành xưa... thân trấn thủ,
Chào Xuân... bằng nỗi nhớ niềm đau !...*

Giọng ngâm tuy không có cái âm độ lão luyện chuyên nghiệp, nhưng cũng có phần nào truyền cảm vào lòng người đồng chung cảnh ngộ.

Có sống nơi tiền đồn xa tít mù khơi, giữa vùng núi cao rừng rậm, biệt lập với thế giới bên ngoài này, lòng của người trai thời loạn mới thấy thấm thía tiếng nhạc lời thơ... Mới thấy hắt hiu nỗi nhớ dâng lên man mác trong lòng ! Và... cảm thương cho cuộc đời mình... có đôi lúc dường như vô nghĩa, thân phận của mình sao lại quá “đen đũi” đến thế là cùng !! Trong gần 50 người kinh được đổi lên đây, kể cả hai bên Chi Khu Dakpek, và Tiểu Đoàn 88 BĐQ, tại sao lại có mình ??

Có ai thương xót cho người trai lính chiến, đóng ở biên phòng hẻo lánh này không?

Ôi ! với tuổi đời trên dưới đôi mươi. Nhựa sống lại căng đầy, mà bị đổi ra cái tiền đồn ốc đảo này, hàng năm mới được đi phép vài ngày, thật là đáng thương cho tuổi trẻ biết là bao !

Không biết bài hát của ai đó với những câu như : “Tôi ở miền xa, trời quen đất lạ. Nhiều Đông lắm Hạ, nổi tiếp đi qua, thiếu bóng đàn bà...” sao mà đúng với tâm trạng của những quân nhân người Kinh ở đây quá cỡ...

Và... hàng loạt những Tiền Đồn Biên Phòng, với những địa danh dọc theo biên giới Việt-Lào từ Quảng Trị trở vào, như : Minh Long, Ba Tơ, Gia Vực, Trà Bồng, Dakseang, Benhet, Đức Cơ, Pleime, vv... cũng đều có những chàng trai lính thú như vậy, mà đời cũng gần như quên lãng họ !

Nếu những người lính của các Sư Đoàn chiến đấu, thường xuyên đối đầu với cái chết trong lúc hành quân tìm và tiêu diệt địch, cũng có lúc dừng quân ngơi nghỉ ở một bìa làng, hay một nơi thị tứ nào đó. Hoặc trở về “hậu cứ” an toàn dưỡng sức, cũng còn nhìn được “ánh mặt trời bình yên” nơi mái ấm gia đình. Dù cho chỉ có nghỉ ngơi trong một vài ngày ngắn ngủi, rồi phải trở lại lặn lội hành quân đi nữa, cũng còn hạnh phúc hơn những người lính biên phòng rất nhiều. Vì những người lính biên phòng – nhất là ở những tiền đồn “Ốc Đảo” của Vùng I và II Chiến Thuật, quả thật là không thấy được “ánh mặt trời bình yên” trong cuộc sống, và kể cả tâm hồn. Bởi lẽ, bên trong vòng rào hàng hàng lớp lớp giây kẽm gai là ta. Còn bên ngoài là địch.

Ngay như Tiền Đồn Dakpek có 11 làng Thượng ở rải rác chung quanh, vẫn chưa gọi là an ninh được. Nào là ngôn ngữ bất đồng... nào là hành động và tư tưởng của họ rất khó lòng kiểm soát...Hay... như hàng mấy trăm binh sĩ Thượng ở trong Căn Cứ, cũng còn chưa đánh giá một cách chắc chắn... về đầu óc Quốc Gia của họ thay !... thì nói chi tư tưởng của dân làng.

Hàng ngày, hầu như gần hết tất cả người Thượng trong các làng, và vợ con binh sĩ trong trại, đều bồng bế trẻ em ra rừng, lên rẫy để tìm miếng sinh nhai. Đến chiều tối họ mới trở về... thì làm sao kiểm soát nổi sự tuyên truyền, mua chuộc, sách động của địch quân đối với họ?

Kinh nghiệm trong nhiều năm trước đây, hồi còn là các trại Dân Sự Chiến Đấu – tiền thân của các Tiểu Đoàn BĐQ Biên Phòng hiện giờ – do người Mỹ chỉ huy, tiếp tế lương thực một cách dồi dào thừa mứa; thế mà vẫn có một vài nơi bị Việt Cộng móc nối mua chuộc, khiến họ nổi loạn ngay trong doanh trại.

Chớ đừng nói chi bây giờ, lực lượng Mỹ đã rút đi, Quân Lực VNCH phải chiến đấu trong thế tự lực... đánh giặc “kiểu nhà nghèo”, thì làm sao điều khiển họ trung thành với mình, một cách trọn vẹn cho được. Lại nữa, người Thượng ở trong các buôn làng, khi nói chuyện thì gọi người Mỹ là “Ông Mỹ”, gọi Việt Cộng cũng là “Ông Cộng”, nhưng kêu Đại Úy của ta là “Thằng Đại Úy”.

Đứng trước tình huống đó, ta phải đành chấp nhận, và tìm cách khéo léo hướng dẫn họ. Còn các hệ thống tình báo chiến, tâm lý chiến của ta, đối với một tiền đồn biên phòng xa xôi hẻo lánh như vậy, nhìn bề ngoài thì thấy rất dễ thực thi, nhưng thật sự bề trong rất khó lòng phân rõ địch và ta. Thế nên, trong Tiểu Đoàn với hơn 40 người Kinh chỉ biết tin tưởng vào nhau, và ngấm dạn dò nhau để phòng những biến động, nếu lính Thượng có dấu hiệu bất mãn hoặc thiên tả.

Tiếng là đóng tiền đồn biên phòng chỉ có ngòi yên một chỗ, ít khi phải lặn lội gian truân như các đơn vị tác chiến khác, tưởng rằng chữ “THO” được cao. Nhưng sự thật thì cái nguy hiểm không biết đến tự lúc nào, thần kinh luôn căng thẳng. Lúc nào cũng phải thường xuyên dè dặt, đề phòng cả ngày lẫn đêm, chẳng những lo địch quân tấn công qui mô từ bên ngoài vòng rào, mà còn phải lo sợ sự nổi loạn bên trong nữa...

Đó là chưa kể cái lạnh lẽo, cái giá buốt, cùng sự “chối nước” khiến cho bệnh “sốt rét rừng” hoành hành thân thể, và nỗi đui hiu quạnh quẽ của tâm hồn... Nếu là một tiền đồn dù cho ở giữa vùng Bắc Cực băng giá đi chăng nữa, chung quanh toàn là kẻ địch; nhưng bên trong là phe ta thuần nhất, không như cái kiểu của vùng Căn Cứ Dakpek này, địch ta cơ hồ như lẫn lộn, thì thần kinh cũng có phần đỡ căng thẳng đi rất nhiều.

Có lẽ bọn Việt Cộng cũng nhìn thấy được như thế, nên kể từ ngày Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ rút đi khỏi Căn Cứ cho đến giờ, chúng đã hàng chục lần rải truyền đơn viết tay, gọi vùng Dakpek này là “ỐC ĐẢO BỊ BỎ QUÊN”, để lung lạc tinh thần chiến đấu của hơn 40 người Kinh đang trấn thủ.

... Thế còn những người lính Thượng ở đây thì sao ? Họ có nao núng hãi sợ vì những truyền đơn đó không ? Có lẽ là không vì các yếu tố sau đây:

– “Một là, họ vốn dĩ sinh trưởng trong núi rừng, thì rừng núi là quê hương của họ, và gia đình thân nhân lại ở kề bên. Cái nỗi nhớ nhà, nhớ vợ con, thương cha mẹ... thì không có.

– “Hai là, họ không hề đem so sánh thân phận mình với sự ăn chơi đàng điếm, rượu ngon gái đẹp giữa nơi sơn phấn phồn hoa... của một số người ở Thành đô chuyên sống trên mồ hôi, và xương máu của các chiến sĩ chiến đấu gian lao ngoài mặt trận... để rồi lại đâm sau lưng họ... thì những lính Thượng ở đây không có, vì cả đời họ làm gì biết được những cuộc truy hoan như thế, để mà so sánh ?

– “Ba là, nếu nơi này bị áp lực nặng nề của địch quân, những người lính Thượng kia, có thể cùng với gia đình tìm cách bỏ trốn. Chỉ cần cởi bỏ bộ quần áo trận, đóng vào “cái khó”, nửa đêm lên trốn ra đi. Họ có thể dắt dìu nhau cả một làng, đi sâu vào bên trong biên giới Hạ Lào, phát rẫy làm nhà để sinh sống, như họ đã từng làm trong nhiều năm về trước”.

Với họ... thì không có tư tưởng lớn, tư tưởng nhỏ gì ở trong đầu cả, chỉ có tiền lương gạo muối, mới có thể giữ họ ở lại trong quân ngũ, khi không có đánh nhau lớn. Nếu đụng trận mạnh, họ bỏ súng và tự rã ngũ là chuyện thường... Và lại, bọn Thượng Cộng cũng đã tuyên truyền rằng nếu họ “đóng khó” và tự bỏ đơn vị ra đi, thì VC sẽ không làm khó dễ... mỗi khi bắt gặp họ trong rừng. Trong vài ba năm trở lại đây, những trường hợp đến mùa làm rẫy gặt lúa, có một số lính Thượng bỏ ngũ, trở về buôn làng xa xôi trong rừng sâu để gặt lúa làm rẫy của họ, và đến hết mùa, họ lại trở về đơn vị tiếp tục làm lính... thì không còn thấy xảy ra nữa.

Có lẽ vì chiến trận mỗi ngày một rộng khắp, binh lính của Việt Cộng từ Miền Bắc, xâm nhập vào Miền Nam mỗi ngày một đông, cho nên các buôn làng Thượng ở trong rừng sâu, thường hay có bộ đội cụ Hồ đến trú quân, và đương nhiên là dân trong buôn làng phải chiêu đãi họ. Nào là... thanh niên thì phải đi lính cho họ. Nào là... thực phẩm hoa màu trồng trọt được, cũng phải cung ứng cho họ...

Buôn làng sống giữa rừng sâu đã thiếu thốn, nay lại càng thiếu thốn hơn nữa, cho nên người Thượng đã bồng bế nhau, đến lập làng chung quanh những tiền đồn biên phòng, để được giúp đỡ về thực phẩm gạo muối hơn.

Nếu chồng đi lính, thì vợ con cùng vào trong Căn Cứ, đào hầm chung quanh giao thông hào phòng thủ trong doanh trại mà ở. Mỗi ngày thì vợ con lính ra khỏi trại vài ba cây số, phát rừng làm rẫy trồng trọt thêm hoa màu, đến chiều mới trở về Căn Cứ. Mỗi người lính hàng tháng đều được phát gạo, muối, và những nhu yếu phẩm khác. Hai tuần thì được phát thực phẩm tươi như gà, heo, bò, vv... được chở từ Kontum lên. Lương của họ và vợ con, được Phát Ứng Viên hàng tháng từ Pleiku đi trực thăng lên phát. Họ có thể mua thêm lương thực từ Câu Lạc Bộ của trại, và ngôi chợ “chôm hòm” bên Chi Khu.

Tóm lại, thì đời sống của một người lính Thượng, đóng ở các tiền đồn biên phòng như vậy là quá hạnh phúc. Họ không có mong muốn gì hơn, cho nên họ không bỏ ngũ trở về rừng sâu để làm rẫy gặt lúa nữa, là như vậy. Lại nữa, theo những quân nhân Thượng sống nhiều năm trong Căn Cứ cho biết, thì lúc còn là lính Dân Sự Chiến Đấu do người Mỹ tuyển mộ, chỉ huy và phát lương bổng, họ có bỏ ngũ cũng không bị phạm vào quân pháp. Sau khi họ về làng làm rẫy đến hết mùa trở lại, thì đơn vị lại ghi danh, phát súng và trả lương cho họ kể từ lúc đó.

Nhưng khi toàn bộ những lính Dân Sự Chiến Đấu này, được cải tuyền sang Biệt Động Quân, để thành lập những Tiểu Đoàn BĐQ Biên Phòng, tức có nghĩa là lính chính quy, có số quân, có cấp bậc, có quân bạ đảng hoàng. Tự bỏ ngũ về buôn làng, làm hết mùa rẫy rồi trở lại đơn vị thì không được, vì đó là tội đào ngũ sẽ bị trừng phạt theo quân luật...

000

Trở lại khung cảnh của Tiền Đồn Dakpek, với cái khí hậu của sơn lâm chướng khí, với cái u buồn hiu quạnh của vùng rừng núi biên cương, và với cái căng thẳng thần kinh của cuộc chiến như thế, ngày TẾT ở đây thật là buồn tẻ vô cùng... ! Hơn 40 người Kinh trong Tiểu Đoàn, ngoài trừ Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng với số tuổi vừa quá 30 có gia đình ra, số còn lại ở khoảng trên dưới 25 tuổi đều độc thân. Nhất là vài ba sĩ quan vừa mới ra trường được bổ nhậm về đây, gặp ngay cái Tết đầu tiên, khi ra đơn vị tác chiến một cách ảm đạm như vậy... thì hỏi sao mà vui sướng được bao giờ ?!

Cũng có một số ít sĩ quan, và hạ sĩ quan vốn là người Kinh, thuộc Dân Sự Chiến Đấu của trại được cải tuyền sang BĐQ. Những người này luôn có gia đình chung sống với họ ở trong trại, từ nhiều năm trước đến giờ... thì có được cái không khí vợ chồng, con cái ấm cúng phần nào trong căn hầm riêng của họ.

Nhưng bánh chưng, bánh tét, thịt mỡ, dưa hành, cây nêu, tràng pháo... tượng trưng cho ngày Tết thiêng liêng của dân tộc, thì không có ở đây... Bởi lẽ trước đó hơn hai tháng, “trần mây” luôn luôn rất thấp, ngày nào cũng có sương mù che khuất ánh sáng mặt trời... Trục thăng tiếp tế lương tươi từ Kontum không cất cánh được, cho nên cả Căn Cứ đều “xực” lương khô, thì lấy đâu mà có thịt mỡ dưa hành, mặc dù Ban Tiếp Liệu của Tiểu Đoàn đã mua sẵn ở Pleiku, chờ gửi lên.

Rốt lại, cả Tiểu Đoàn ăn Tết với câu khẩu hiệu trơ trẽn, mà Sĩ Quan Ban 5 đã phải hì hục khò lưng, cắt giấy dán lên tấm vải “Băng-đờ-rôn” duy nhất của đơn vị, và được căng treo trước cột cờ từ mấy ngày qua : VUI XUÂN KHÔNG QUÊN NHIỆM VỤ.

Thật là mai mĩa ! nào có Xuân có Tết đâu mà vui ! mà quên nhiệm vụ ? Còn người Thượng ở vùng này, họ không biết ăn Tết theo kiểu người Kinh. Phần lớn họ theo Đạo Tin Lành, nhưng vẫn giữ phong tục (hoặc thói quen ?) mỗi năm “Cúng Giàng” một lần vào ngày Lễ Giáng Sinh.

Cúng Giàng có nghĩa là cúng Trời cho mưa thuận gió hòa, “để cái rẫy cái nương có khoai có lúa mà ăn”. Đó là lời giải thích của Thượng Sĩ Thường Vụ Krong Sem. Nhân dịp này, họ mổ trâu ăn mừng, nhảy múa theo tiếng “Khèng”, tiếng “Coòng” – những nhạc cụ của riêng họ – rồi uống “rượu Cần”, già trẻ gái trai vui chơi quây quần chung quanh “Nhà Làng”...

Nhà Làng tức là ngôi “nhà sàn” có phần to lớn hơn các nhà sàn thường của dân làng. Đó là nơi dùng để hội họp, lễ lạc, cúng bái, xử kiện do Trưởng Làng quản lý. Còn tại sao gọi là Rượu Cần ? Có lẽ khi uống người ta dùng một đoạn cây trúc già, nhỏ cỡ ngón tay, dài cả thước tây được uốn cong cong, và các “mắt trúc” được làm cho thông suốt với nhau. Cắm một đầu ống trúc này vào sâu trong “Ché rượu”, rồi đưa vào miệng hút đầu còn lại, uống ừng ực chất rượu chảy ra.

Vì dùng một đoạn cây trúc... như cái “cần câu” ngăn ngắt này để uống rượu, nên gọi đó là Rượu Cần, tức rượu uống bằng cái “Cần” chăng ? Nếu đứt đầu của cái Cần rượu này xuống gần sát đáy của “ché” rượu, thì khi uống rượu mới đậm đà và mau say. Còn đứt cái Cần không sát gần đáy “ché” thì chỉ uống rượu nhạt, hoặc có khi là nước lã mà thôi.

Người này uống xong, thì đưa cái Cắn cho người khác uống. Cứ thay phiên hết người này đến người khác. Nếu ta là khách quý thì cái Cắn đó dành riêng cho ta, hoặc ta cùng người chủ làng hay chủ gia đình đó uống chung mà thôi. Còn các cái Cắn khác, cũng cắm chung vào “ché rượu” thì dành cho các người khác.

Nhìn cái Cắn uống rượu bóng lưỡng, thì biết là đã có trăm ngàn lượt người ngậm qua nó để uống rượu. Mới đầu ngậm vào Cắn rượu, ai mà không thấy lờm lợm nơi miệng lưỡi của mình, nhất là uống chung với “Già Làng” móm mém hom hem... cùng hàm răng cái lồi cái lõm đóng bọt đen xì... Nhưng phải tỉnh bơ mà uống... mới đúng cách xã giao... mới được lòng người thiếu số.

Thế nhưng, khi đã uống rượu vô miệng rồi thì thấy ngòn ngọt, chua chua khá hấp dẫn. Mềm môi uống mãi không thấy say, nhưng gục té hồi nào thì cũng chẳng hay.

Còn “Ché” là một cái hủ bằng sành, lớn nhỏ đủ cỡ, giống như những bình hoa kiếng của ta thường dùng. Có cái cao hăng năm bảy tấc, hoặc lớn hơn, với hai đầu túm lại, ở giữa phình ra, bên trong đựng rượu, bên ngoài bóng láng có những nét hoa văn nhiều màu sắc. Một phần ba dưới đáy “Ché”, là gạo, nếp, hoặc bắp, vv... được ủ với men làm thành rượu.

Khi uống, người ta chặt một số lá cây mọc chung quanh nhà bất kể là loại lá cây nào, nhét đầy vào trong “Ché rượu”. Sau đó đổ hàng thùng nước suối vào cho đầy tới miệng “Ché”.

Gặp buổi lễ quan trọng uống bằng “Ché” lớn, phải do hai người lực lưỡng gánh ra, và phải đổ vài ba thùng nước suối mới đầy. Thế là cắm Cắn vào uống rượu. Nếu Cắn cắm vào lưng chừng “ché”, thì chỉ uống nước suối mà thôi.

4. Câu Chuyện “Có Vô Có Ra”

Những quân nhân người Kinh ở trại uống rượu Cắn riết rồi cũng ghiền, lúc mới uống thì len lén kéo cái Cắn lên cao, để khi uống rượu lạt đỡ say, nhưng bị chủ nhân lấy tay ấn xuống phải đành “bể mảnh”.

Về sau này, khi uống rượu Cắn, lại uống chung với vài sơn nữ kiêu “Sơn Nữ Phà Ca”, thì nó cũng gợi cảm và khoái khẩu làm sao? Các sơn nữ Phà Ca này là con cháu của quân nhân Thượng trong căn cứ, hoặc trong làng, tuổi vừa 15, 17 tròn trắng xinh đẹp. Cô nào cũng có những đường cong tuyệt mỹ, với bắp thịt nơi hai tay trông khỏe mạnh rắn chắc.

Có lẽ hàng ngày họ phải lên non, xuống núi, làm rẫy, giã gạo, và đến chiều, lại gửi hàng chục ống tre đầy nước mang về làng, hoặc về trại để dùng, mà thân hình này nở tự nhiên, cộng với gương mặt khá thanh tú, nhưng có đôi phần man dại... đáng yêu. Lại cũng có một hai cô mang nét lai Tây Phương, với nước da trắng hồng trông càng hấp dẫn... ưa nhìn.

Khi có lẽ lộc gì đặc biệt, thì các phụ nữ Thượng mới mặc áo kiểu sắc tộc của họ, tức là những chiếc áo có tua, có viền những chỉ màu xanh, trắng, đỏ, vàng trông cũng đẹp mắt. Còn bình thường thì các cô mặc các loại áo thun có tay dài, ngắn, hoặc không có tay, loại bó sát người thường bán ngoài chợ bình dân.

Đặc biệt hơn hết là họ luôn luôn mặc váy, giống như kiểu “sà-rông” của người Cao Miên, mà bên trong các quần áo đó, theo như các cậu lính Thượng cho biết, là ít khi thấy có những cái mà người ta gọi là “đồ lót”... bao giờ.

Mặc váy là một phong tục bắt buộc, nghe nói là “lệ làng” sẽ đuổi cổ cô nào ở trong làng mà mặc quần hai ống. Cho nên cũng theo lời kể, trong thời Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ còn ngự trị tại đây, thì ngày nào cũng có trực thăng đến trại. Vì vậy mà thỉnh thoảng cũng có vợ lính, hoặc dân làng xin đi Kontum mua sắm. Khi ra tới Kontum, thì các cô thay quần Jean đi dung dăng dung dẻ dạo phố. Nhưng khi trở về, thì các cô vội vàng thay lại “sà-rông” mới dám về làng.

Tóm lại, thì các cô “Sơn Nữ Phà Ca” nói trên, cũng khoái uống rượu Cần với các quân nhân người Kinh lắm... chớ chẳng phải là không. Vì uống với mấy anh chàng này, thì vừa có rượu uống, rồi được cho “gạo sậy” khá nhiều nữa... đó là điều mà mấy cô rất thích.

Gạo sậy là tiêu chuẩn của họ, khi đi hành quân mới được cấp phát. Thường thì 15 ngày cho mỗi lần đi hành quân như vậy. Họ chỉ cần mang theo nửa tiêu chuẩn, là đủ dùng cho 15 ngày đó rồi. Số còn lại, họ đưa cho mấy người vợ của lính Thượng làm rượu, để khi hành quân về... có rượu mà uống, mà đỡ nhớ thành đô... Hoặc có anh dành một ít gạo sậy lại, để tặng cho các cô gái Thượng... khi uống rượu nhảy múa vui vẻ cùng nhau.

Với cây đàn ghi ta, lính Kinh vừa đàn vừa hát những bản nhạc lính, theo các điệu Boléro hay Slow... là các cô gái Thượng đã múa những điệu vũ của họ được rồi. Hoặc giả... mở máy thu băng các bản nhạc kiểu “Em Pleiku má đỏ môi hồng”... để nhảy thì cũng hết sảy.

Đền Thứ Bảy hoặc Chủ Nhật đôi khi có lính Thượng tham dự, họ thổi “khèng”, đánh “coong”. Các Cô gái Thượng lại cất giọng líu lo vừa hát vừa nhảy múa... Các chú lính ta cũng uốn éo nhảy múa theo, thì coi như là một bữa nhảy đầm... có “nhạc sống”, và có rượu ngon vậy.

Nhưng có điều là... ta không biết mấy cô hát gì, lắng nghe thì cũng êm tai. Và... mặc dù nhìn thấy các cô vừa uống rượu, vừa ca hát nhảy múa như vậy, cũng chỉ là mua vui mà thôi... Chứ chung đụng xác thịt, hay sờ mó bậy bạ, thì không anh nào dám đụng đến. Vì các cô này sẽ đi khoe rùm lên, và bắt anh chàng “thích bẻ hoa sơn cước đó” phải làm chồng.

Nếu quát ngựa truy phong... thì nghe đồn là sẽ bị “thư ếm” bụng to như “cổ trướng”, hoặc trong bụng đầy “sắt vụn” hay đầy “cát” mà đau đớn cho đến chết. Thật ra thì chưa có ai trong số những SQ, HSQ, và binh sĩ người Kinh trong trại, thấy một người bị thư bụng to bằng cái trống bao giờ.

Cho nên cũng không thấy mấy ông “Thầy ngải”, lấy “ngải thư” từ trong bụng của các người bị thư, nghe nói có khi là miếng da trâu, có khi là mấy miếng sắt vụn, hoặc hàng chục cây đinh rỉ sét... Toàn là lời đồn có tính cách dị đoan mà thôi. Sự thật thì SQ người Kinh trong trại, không ai muốn dính líu về xác thịt với các thiếu nữ người Thượng cả, vì sẽ có hại cho tương lai là điều khó tránh được. Còn nói về tình cảm thì lại rất khó xảy ra, vì các cô gái Thượng không biết nói tiếng Việt.

Riêng HSQ và binh sĩ người Kinh, thì trong suốt ba năm sống ở Dakpek; người viết có hai lần phải xử phạt một HSQ, và một binh sĩ người Kinh ăn nằm với gái Thượng, xin kê ra một cách đại lược, vì ký ức không còn ghi nhớ được cặn kẽ như sau :

“Vào cuối năm 1971, Trung Sĩ Nguyễn-Văn-N. không biết làm cách nào, mà ăn nằm được với vợ của Trung Sĩ Y-Prong, trong lúc Y-Prong phải đi hành quân bên ngoài trại 15 ngày.

“Trung Sĩ N. không ngờ được rằng, người phụ nữ Thượng vợ của Y-Prong, sáng hôm sau đã đi khoe với vài người vợ của HSQ và binh sĩ Thượng khác. “Cô ta khoe một cách tự nhiên và hãnh diện với đại khái là : Người Thượng ‘bắt cái nước’ thì không ‘có vô có ra’, còn người Kinh thì ‘có vô có ra’, thích lắm.

“Trung Sĩ Y-Prong sau khi hành quân về nghe được, thưa Trung Sĩ N. đòi bồi thường thiệt hại, là một con heo sống trên 10 ký, và hai ché rượu Cần loại lớn.

“Lúc đó thì heo, gà, vịt sống, và nhiều nhu yếu phẩm khác, tại Câu Lạc Bộ của đơn vị đều có bán, cho nên BCH Tiểu Đoàn đã y theo đơn thưa, bắt Trung Sĩ N. phải bồi thường như vậy. “Điều đặc biệt là khi heo được làm ra, có đánh tiết canh khá ngon miệng do chính Y-Prong đầu bếp.

“Tiểu Đoàn Trưởng và một vài SQ người Kinh cùng Thượng, được mời tới ăn tiết canh, uống rượu Cần để chứng kiến. “Có cả Trung Sĩ N., vợ chồng Trung Sĩ Y-Prong, cùng một vài HSQ và binh sĩ Thượng tham dự.

“Thượng Sĩ Krong-Sem Thường Vụ Tiểu Đoàn cho biết theo phong tục của họ, là sau khi bồi thường như vậy, thì không có chuyện thù hằn gì về sau nữa.

“Thượng Sĩ Sem cũng cho biết là còn hai lần xử phạt nữa, đó là Trung Sĩ Y-Prong sẽ phạt vợ y nào là ... gà, hoặc vịt, và rượu Cần tùy theo sự thỏa thuận giữa hai người. Họ cũng sẽ mời Thượng Sĩ Sem đến dự để chứng kiến, cùng với một vài người bạn thân. “Sau đó thì vợ chồng của Trung Sĩ Y-Prong, vẫn ăn ở với nhau như lúc bình thường, và không có điều gì ghen tương xảy ra.

“Lần phạt thứ ba, là do “Già Làng” của họ quyết định phạt vợ của Y-Prong, với lý do là gái trong làng đã có chồng, còn tư thông với người khác, là phạm luật của làng. “Rồi thì cũng phạt rượu Cần, gà, vịt, hoặc heo sống... lần này cũng có mời Tiểu Đoàn Trưởng, hay người đại diện đến làng của họ uống rượu chứng kiến, và lần đó Thượng Sĩ Sem được cử làm đại diện.

“Được hỏi, nếu một anh Thượng này thông dâm với một chị Thượng khác, mà cả hai đều cũng có gia đình, thì việc xử phạt ra sao? “Thượng Sĩ Sem giải thích là chồng ngoại tình thì vợ phạt chồng. Vợ ngoại tình thì chồng phạt vợ, và “Già Làng” thì phạt cả hai đứa ngoại tình. Sau khi chịu phạt rồi thì không có thù hằn gì nữa.

“Đây là phong tục tập quán của họ, Thượng Sĩ Krong-Sem giải thích như thế. Nếu không chịu phạt thì có tội lớn, tức anh em trong làng khinh rẽ. Làng sẽ không thừa nhận họ và không được trở về làng, mà người Thượng thì rất tôn trọng “Già Làng”, và cũng rất sợ bị đuổi ra khỏi làng”.

(còn tiếp)